

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/DS-ST

Ngày 29-12-2023.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Thanh

2/ Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/QĐST-DS ngày 14/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ).

Địa chỉ: số U, đường P, phường Y, quận P, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Quốc T. Địa chỉ: số 58, đường H, phường T, quận N, thành phố C. Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn. (Văn bản uỷ quyền số: 03/QĐ-DAB-NKU ngày 02/11/2023).
Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã TA, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung K.

Địa chỉ: ấp T, xã TA, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn Ngân hàng Đ do ông Ngô Quốc T đại diện trình bày. Năm 2017 Ngân hàng Đ chi nhánh C

đồng ý cho bà Trần Thị Kim T1 vay tiền theo hình thức trả góp hàng tháng qua tài khoản thẻ số 0161096201T17002 ngày 20/01/2017 với số tiền 20.000.000 đồng có ông Nguyễn Trung K là chồng bà T1 ký tên bảo lãnh khoản vay, không thế chấp tài sản. Thỏa thuận thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất trong hạn là 12%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả: trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tính đến ngày 29/12/2023 bà T1 còn nợ Ngân hàng Đ tiền vốn gốc 6.910.000 đồng và 9.944.290 đồng tiền lãi phát sinh. Tổng cộng vốn lãi theo hợp đồng còn nợ là 16.854.290 đồng.

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Kim T1 và ông Nguyễn Trung K phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vay vốn, lãi của hợp đồng nêu trên là 16.854.290 đồng và phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/12/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản vay.

Bị đơn bà Trần Thị Kim T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung K quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà ông Ngô Quốc T đại diện cho Ngân hàng Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị Kim T1, ông Nguyễn Trung K vẫn vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị Kim T1 hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TA, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị Kim T1 là bị đơn, ông Nguyễn Trung K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Đối với số tiền vốn gốc. Ngân hàng Đ yêu cầu bà Trần Thị Kim T1 và ông Nguyễn Trung K thanh toán tiếp số tiền vốn 6.910.000 đồng. Bà Trần Thị

Kim T1, ông Nguyễn Trung K chưa có ý kiến. Toà xét thấy: Ngày 20/01/2017 Ngân hàng Đ chi nhánh C có ký hợp đồng tín dụng số: 0161096201T17002 với bà Trần Thị Kim T1. Theo đó Ngân hàng Đ cho bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng. Mặc dù từ lúc thụ lý vụ án cho tới nay bà T1 chưa đến Toà để thể hiện ý kiến về việc tranh chấp. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ do Ngân hàng cung cấp như: Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ; Thỏa thuận liên kết, Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Toà xác định việc có vay tiền và hiện còn nợ số tiền 6.910.000 đồng của bà T1 đối với Ngân hàng Đ là có thật. Đối chiếu với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng đủ cơ sở xác định bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Toà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, buộc bà Trần Thị Kim T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn vay còn nợ 6.910.000 đồng cho Ngân hàng Đ. Đối với ông Nguyễn Trung K chỉ là người bảo lãnh cho khoản vay của bà T1, do đó phía ngân hàng yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cùng trả số tiền vay cho bà T1 là chưa đủ cơ sở để được chấp nhận.

[2]. Đối với số tiền lãi (trong hạn, lãi quá hạn). Ngân hàng Đ yêu cầu bà Trần Thị Kim T1 trả 9.944.290 đồng. Bà T1 chưa ý kiến. Toà xét thấy: khi vay bà T1 có thỏa thuận trả lãi suất trong hạn: 12%/năm, quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, và trả hàng tháng. Đối chiếu thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng đủ cơ sở xác định bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi vay. Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Toà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ, buộc bà Trần Thị Kim T1 có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền lãi vay còn nợ tính đến ngày 29/12/2023 là 9.944.290 đồng cho Ngân hàng Đ. Do đó tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi (trong hạn, quá hạn) bà Trần Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ là 16.840.290 đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo. Buộc bà Trần Thị Kim T1 có trách nhiệm phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền bị buộc trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc bà Trần Thị Kim T1 có trách nhiệm thanh toán tiếp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số: 161096201T17002 ngày 20/01/2017 còn nợ tính đến ngày 29/12/2023 là 16.840.290 (Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn hai trăm chín mươi) đồng. Trong số tiền này có 6.910.000 đồng tiền vốn gốc, 9.944.290 đồng là tiền lãi.

Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 30/12/2023 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong cho bên được thi hành án, theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Trung K về việc buộc ông K phải có nghĩa vụ cùng trả số nợ với bà Trần Thị Kim T1.

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Kim T1 phải chịu 842.000 (Tám trăm bốn mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 410.000 (Bốn trăm mười nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004134 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Mẫn